

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi
theo hướng sản xuất hàng hóa giai đoạn 2006-2010**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XIV; Kết luận Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ tư (khóa XIV) tại Thông báo số 07-TB/TU ngày 12/7/2006;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 809/TTr-SNN ngày 09/6/2006 về việc đề nghị phê duyệt Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2006-2010, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Về quan điểm

a) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi gắn với sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị thu nhập trên 1 ha đất canh tác, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, và nâng cao đời sống của nông dân; tạo điều kiện cho người làm nghề rừng sống và làm giàu từ lâm nghiệp.

b) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải căn cứ vào nhu cầu của thị trường; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng trong tỉnh, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ nhằm đạt năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

c) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

d) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp và nông thôn, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hóa với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

đ) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phải đồng bộ với cơ chế chính sách, huy động được mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, đảm bảo có hiệu quả, bền vững và an toàn môi trường sinh thái. 

2. Mục tiêu chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi

a) Mục tiêu chung

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp để khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; ứng dụng khoa học công nghệ, làm ra sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của tỉnh và tăng khả năng cạnh tranh đối với thị trường trong nước, tiến tới xuất khẩu trực tiếp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, lao động và nguồn vốn; tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nông dân và người làm nghề rừng.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2010

Giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp tăng bình quân trên 7%/năm.

Cơ cấu kinh tế ngành nông lâm nghiệp:

- Nông nghiệp 75,2% (giảm 4,9% so với năm 2005); trong đó: trồng trọt 67% (giảm 2,3% so với năm 2005), chăn nuôi 32% (tăng 2,3% so với năm 2005), dịch vụ 0,8%.

- Lâm nghiệp 23,3% (tăng 4,7% so với năm 2005).

- Thủy sản 1,5% (tăng 0,2% so với năm 2005).

Sản lượng lương thực đạt trên 32 vạn tấn.

Diện tích chè thâm canh 6.000 ha chè, sản lượng búp tươi 60.000 tấn/năm; vùng mía nguyên liệu 6.700 ha, sản lượng mía cây 400.000 tấn.

Diện tích trồng lạc đạt 6.200 ha, sản lượng trên 18.000 tấn, diện tích trồng đậu tương trên 5.500 ha, sản lượng 10.000 tấn.

Diện tích cây ăn quả (cam, quýt, nhãn, vải) trên 8.600 ha.

Hàng năm đàn trâu tăng 2%, đàn bò tăng 10%, đàn lợn tăng bình quân 6%/năm; đàn gia cầm tăng 10%/năm; sản lượng thủy sản trên 4.500 tấn.

Từ năm 2006 đến năm 2010 khai thác 2,145 triệu m³ gỗ, 510 triệu tấn tre nứa, đáp ứng đủ nguyên liệu cho nhà máy giấy và bột giấy An Hòa và các nhà máy sản xuất đồ gỗ theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh; trồng mới 30.000 ha rừng tập trung, bảo đảm độ che phủ rừng đạt trên 64%.

3. Định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa đến năm 2010

a) Cây lương thực

Đến năm 2010, diện tích đất trồng lúa ổn định khoảng 24.420 ha (giảm 2.150 ha so với năm 2005).

Ổn định diện tích trồng ngô trên đất soi bãi, phát triển mạnh trồng ngô đông trên đất 2 vụ lúa ở các huyện: Sơn Dương, Chiêm Hoá, Yên Sơn.

Sử dụng các giống lúa, ngô có năng suất, chất lượng cao và áp dụng các biện pháp thâm canh, hạ giá thành, nhằm tăng năng suất và nâng cao chất lượng để bảo đảm an ninh lương thực.

Ưu tiên đầu tư thủy lợi nhỏ, kiên cố hóa kênh mương và tăng cường công tác khuyến nông để hỗ trợ nông dân các xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao sản xuất lương thực cho nhu cầu tại chỗ.

b) Cây công nghiệp

Phát triển các vùng chuyên canh cây chè, cây mía, lạc, đậu tương theo hướng sản xuất hàng hóa phù hợp với thị trường.

- Cây chè: quy hoạch vùng chè thâm canh diện tích 6.000 ha, chủ yếu tập trung tại 3 huyện Sơn Dương, Yên Sơn và phía nam huyện Hàm Yên; trồng khoảng 1.000 ha chè Shan gần với phòng hộ tại huyện Na Hang, Chiêm Hoá.

Đưa nhanh các giống mới có năng suất cao vào sản xuất, áp dụng các biện pháp sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn bền vững, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nghiêm ngặt việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Cây mía: Sử dụng giống mới có năng suất, trữ lượng đường cao, bố trí thu hoạch rải vụ 6.700 ha mía, quy hoạch vùng trồng nguyên liệu tập trung, gần nhà máy chế biến tại 2 huyện Sơn Dương, Yên Sơn và phía nam huyện Chiêm Hoá.

- Cây lạc, cây đậu tương: bố trí trồng lạc, đậu tương trên đất soi bãi, ruộng 1 vụ, ruộng 2 vụ chưa hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi; mở rộng diện tích ứng dụng khoa học công nghệ trồng lạc, đậu tương đông (sử dụng giống chất lượng cao, trồng lạc che nilon, gieo vãi đậu tương...); hình thành vùng sản xuất tập trung quy mô từ 1.000 ha/năm trở lên tại các huyện Chiêm Hoá, Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên.

c) Cây ăn quả

Mở rộng diện tích trồng cam khoảng 3.000 ha tại huyện Hàm Yên; trồng mới nhãn, vải bằng các giống có thời gian thu hoạch rải vụ, chất lượng cao gắn với việc cải tạo vườn tạp tại các huyện Sơn Dương, Yên Sơn, Hàm Yên, Chiêm Hoá.

d) Cây lâm nghiệp

Tập trung thực hiện tốt chương trình bảo vệ và trồng rừng gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp, bảo đảm nguyên liệu cho dự án nhà máy sản xuất giấy và bột giấy An Hòa, các cơ sở sản xuất đồ gỗ xuất khẩu..., góp phần nâng cao đời sống của người làm nghề rừng.

Thực hiện quy hoạch, phân 3 loại rừng trên diện tích 446.892 ha đất lâm nghiệp (diện tích theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2005), dự kiến phân loại: đất rừng sản xuất 258.375 ha, bằng 58% diện tích đất lâm nghiệp, đất rừng phòng hộ 138.510 ha, bằng 31%, đất rừng đặc dụng 48.963 ha, bằng 11%.

Bảo vệ tốt vốn rừng hiện có, thực hiện giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để quản lý bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung làm giàu rừng, quản lý khai thác rừng bền vững.

Phát triển trồng rừng kinh tế có chất lượng và hiệu quả cao, gồm một số loài cây chủ yếu: Keo tai tượng, Keo lai, Mỡ, Lát, Luông..., hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với cơ sở chế biến; ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất giống, đảm bảo có đủ giống tốt cho nhu cầu trồng rừng.

đ) Chăn nuôi

Phát triển mạnh chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò thịt) theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung với hình thức trang trại sở hữu tư nhân, khuyến khích hình thức nuôi công nghiệp gắn với cơ sở chế biến và xử lý chất thải.

- Chăn nuôi Bò: năm 2010 tổng đàn bò có 69.200 con, bình quân tăng 10%/năm. Phát triển mạnh đàn bò thịt có năng suất cao, chất lượng thịt tốt, để khai thác, tiềm năng, thế mạnh về chăn nuôi đại gia súc của tỉnh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Sử dụng bò đực giống Brahman màu đỏ (sinh tại Tuyên Quang) và bò đực lai Sind để cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn bò thịt địa phương. Phân loại, chọn lọc, đánh giá lại để nuôi giữ số lượng hợp lý bò sữa HF có chất lượng tốt làm đàn bò giống hạt nhân; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ tổ chức kinh tế, hộ gia đình trong tỉnh mua giống bò sữa, bò thịt Brahman hiện có của tỉnh để chăn nuôi.

- Chăn nuôi Trâu: năm 2010, đàn trâu có 147.800 con, bình quân tăng 2%/năm. Thực hiện bình tuyển, chọn lọc, nhân thuần giống trâu Ngố tại Chiêm Hoá, Na Hang, Hàm Yên.

- Chăn nuôi Lợn: năm 2010 đàn lợn có 468.100 con, bình quân tăng 6%/năm. Phát triển đàn lợn phù hợp với tiêu dùng và khả năng đầu tư của từng huyện, thị xã. Phát triển nuôi lợn chất lượng cao ở một số vùng có lợi thế theo hướng sản xuất công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường.

c) Thủy sản

Khai thác có hiệu quả lòng hồ Thủy điện Tuyên Quang, tận dụng mặt nước sông, suối, các công trình thủy lợi để đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản: quy hoạch 900 ha ruộng trũng, lấy thụt kết hợp nuôi cá; chú trọng phát triển chăn nuôi một số loài cá đặc sản địa phương: Chiên, Lăng, Dầm xanh, Anh vũ. Đến năm 2010 sản lượng cá thịt 4.500 tấn.

4. Một số giải pháp chủ yếu

a) Công tác quy hoạch

Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đến năm 2010 là 517.800 ha, trong đó: bố trí trồng cây hàng năm 48.273 ha (trồng lúa 24.423 ha); trồng cây lâu năm 18.131 ha; đất lâm nghiệp 445.144 ha (khi thực hiện rà soát thực tế có thể điều chỉnh lại cho phù hợp); đất nuôi trồng thủy sản 1.910 ha; đất nông nghiệp khác (chuồng trại chăn nuôi, vườn ươm cây giống, nhà kho...) 4.342 ha.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, quy hoạch sử dụng đất ở trên và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đến năm 2020 để rà soát, hoàn thành: quy hoạch, phân 3 loại rừng, xây dựng chiến lược phát triển lâm nghiệp của tỉnh đến năm 2020; quy hoạch phát triển thủy lợi, quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2010; quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản của từng huyện, thị xã đến năm 2010; quy hoạch sử dụng đất của từng huyện, thị xã đến năm 2010. Chú trọng quy hoạch vùng sản xuất gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành một số vùng kinh tế:

- Vùng kinh tế phía Nam tỉnh gồm huyện Sơn Dương, Yên Sơn tập trung phát triển sản xuất nguyên liệu cho công nghiệp chế biến: chè, mía, nguyên liệu giấy, nguyên liệu chế biến gỗ...

- Vùng kinh tế phía Bắc tỉnh gồm huyện Hàm Yên, Chiêm Hoá chủ yếu phát triển kinh tế trang trại trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp gắn với chăn nuôi bò thịt, trâu kiêm dụng...

- Vùng kinh tế vùng cao tại huyện Na Hang đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp, trồng, chế biến chè Shan, chăn nuôi thủy sản (giống đặc sản)...

b) Đào tạo, phát triển nguồn lực

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông, lâm nghiệp để tiếp nhận và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng; bảo quản, chế biến sản phẩm sau thu hoạch, đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

c) Thị trường tiêu thụ sản phẩm

Các doanh nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản cho người sản xuất thông qua hợp đồng theo Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ, khuyến khích việc hình thành các doanh nghiệp chuyên tiêu thụ nông lâm sản hàng hóa cho nông dân.

Hỗ trợ và có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến nông, lâm sản; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và quản lý chất lượng nông sản hàng hóa, xây dựng và bảo vệ thương hiệu hàng hóa.

Kiên toàn và mở rộng hệ thống thông tin của ngành thương mại, bao gồm thông tin về sản xuất, thị trường, để giúp cơ sở và người sản xuất đầu tư phát triển sản xuất theo nhu cầu của thị trường và tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả.

d) Khoa học và công nghệ

Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư. Thực hiện việc xã hội hoá công tác khuyến nông theo quy định tại Nghị định số 56/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về khuyến nông, khuyến ngư.

Đầu tư phát triển khoa học công nghệ ở một số lĩnh vực chủ yếu: tạo giống cây trồng, vật nuôi năng suất, chất lượng cao; chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, số lượng lớn, có sức cạnh tranh trên thị trường.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi đại gia súc (chủ yếu là bò, trâu kiêm dụng...). Xây dựng và quảng bá các thương hiệu sản phẩm như: Trâu, bò thịt Tuyên Quang, cam sành Hàm Yên, đồ gỗ tinh chế Tuyên Quang, chè Tuyên Quang... 

d) Cơ chế, chính sách phát triển

- Về đất đai

Tích cực triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2003, sớm hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ nông dân, người làm nghề rừng thực hiện quy hoạch sản xuất, tích tụ ruộng đất hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung; khuyến khích phát triển một số ngành hàng có tiềm năng: trồng rừng kinh tế, trồng cam, chăn nuôi gia súc (bò thịt, trâu), nuôi trồng thủy sản...

Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng trong lâm nghiệp; điều chỉnh chính sách, khuyến khích nhân dân tham gia bảo vệ rừng tự nhiên và phát triển trồng rừng kinh tế.

- Về tổ chức sản xuất

Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển trên nguyên tắc khuyến khích các hộ có khả năng về vốn, lao động và kinh nghiệm sản xuất mở rộng quy mô phát triển trang trại. Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ nghèo, hộ khó khăn phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy phát triển nhanh kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, nhằm thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu sản xuất và cơ cấu lao động.

- Về thủy lợi

Xây dựng quy hoạch thủy lợi phù hợp với quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản đảm bảo yêu cầu thâm canh cây trồng và nuôi trồng thủy sản, an toàn môi trường sinh thái, nâng cao độ phì đất đai. Chuyển đổi nhanh cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên bố trí các công trình tưới tiêu cho các cây công nghiệp, cây ăn quả, hoa màu và nuôi trồng thủy sản.

Đổi mới các xã vùng cao ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ sản xuất lúa, màu.

Đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Về cơ sở hạ tầng

Huy động mọi nguồn lực cho phát triển giao thông nông thôn hình thành mạng lưới đảm bảo lưu chuyển nông sản hàng hóa thông suốt, nhất là ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nguyên liệu mía, chè, lâm nghiệp, cây ăn quả v.v.

Phát triển nhanh mạng lưới điện thoại tới từng thôn xóm, mở rộng địa bàn các xã nối mạng Internet với Trung tâm Thông tin thị trường, nhất là ở các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung.

Nhà nước tạo điều kiện và hỗ trợ các xã xây dựng chợ nông thôn. Đầu tư xây dựng một số chợ bán buôn ở các vùng nông sản hàng hóa tập trung.

5. Một số dự án đầu tư trọng điểm

Huy động mọi nguồn lực và có cơ chế, chính sách phù hợp để tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả một số dự án trọng điểm sau:

- a) Dự án phát triển vùng cam huyện Hàm Yên.
- b) Dự án phát triển vùng nguyên liệu nhà máy sản xuất giấy và bột giấy An Hòa (giai đoạn 1, công suất 130.000 tấn/năm).
- c) Dự án vùng nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất đồ gỗ xuất khẩu.
- d) Dự án cải tạo, nâng cao công nghệ thiết bị chế biến chè.
- đ) Dự án phát triển cây chè Shan đặc sản (bao gồm cả chè Shan Khau Mút, xã Thổ Bình, huyện Chiêm Hoá).
- e) Dự án phát triển chăn nuôi bò thịt.
- g) Dự án phát triển vùng trồng lạc hàng hóa tập trung.
- h) Dự án chọn lọc, nhân thuần và phát triển giống trâu Ngổ địa phương.
- i) Dự án phát triển thủy sản vùng lòng hồ thủy điện Tuyên Quang.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn các huyện, thị xã rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch nông, lâm nghiệp, thủy sản của địa phương cho phù hợp; chủ trì thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án ưu tiên đầu tư để tổ chức thực hiện.

Xây dựng các dự án đầu tư trọng điểm từng loại cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa để thu hút vốn đầu tư.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh sau khi được phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã

Tiến hành rà soát bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản của huyện, thị xã để thực hiện quy hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

Xây dựng các dự án phát triển cây trồng, con gia súc, thủy sản có khả năng trở thành hàng hóa của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện. Chỉ đạo xây dựng và tổng kết các mô hình chuyển đổi có hiệu quả, phổ biến nhân ra diện rộng.

Tuyên truyền, vận động, khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng kinh tế trang trại.

c) Các ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tham gia, tạo điều kiện để thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận: *✍*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- T.T Tỉnh ủy;
- T.T UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB QH địa phương;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các CV;
- Lưu: VT - (NT.95)

(Báo
cáo)



Lê Thị Quang